



**THE REAL SITUATION OF COMMUNICATION SKILLS OF VIET NAM
NATIONAL UNIVERSITY OF AGRICULTURE STUDENTS AT
INTERNSHIPS INSTITUTIONS, PROPOSE APPROPRIATE EDUCATION
MEASURES**

Le Thi Kim Thu^{1,}, Do Ngoc Bich¹*

¹Vietnam National University of Agriculture, Vietnam

**Email address: kimthu@vnua.edu.vn*

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/598>

Article info

Received: 30/5/2021

Accepted: 05/9/2021

Keywords:

*Communication skills,
internships*

Abstract:

Communication skills are an important students' soft skills. It is important to educate communication skills at internships institutions for students, helping students to understand the importance of communication skills, train communication skills at internships institutions, be comfortable and confident when participating in the internships. Based on the current situation, we also propose some appropriate educational measures.



THỰC TRẠNG KỸ NĂNG GIAO TIẾP CỦA SINH VIÊN HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM TẠI CƠ SỞ THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP - XÂY DỰNG BIỆN PHÁP GIÁO DỤC

Lê Thị Kim Thu^{1,*}, Đỗ Ngọc Bích¹

¹Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Việt Nam

*Địa chỉ email: kimthu@vnua.edu.vn

<http://doi.org/10.51453/2354-1431/2021/598>

Article info

Received: 23/5/2021

Accepted: 05/9/2021

Keywords:

Communication skills,
internships

Tóm tắt

Kỹ năng giao tiếp của sinh viên là một kỹ năng quan trọng trong hệ thống những kỹ năng mềm. Việc giáo dục kỹ năng giao tiếp tại cơ sở thực tập nghề nghiệp cho sinh viên là rất quan trọng, góp phần giúp SV nhận thức tầm quan trọng của các kỹ năng giao tiếp, rèn luyện được các kỹ năng giao tiếp tại cơ sở thực tập nghề nghiệp, tạo tâm thế sẵn sàng, thoải mái, tự tin khi tham gia thực tập tại cơ sở thực tập nghề nghiệp. Dựa trên thực trạng nghiên cứu, chúng tôi cũng đề xuất các biện pháp giáo dục phù hợp.

1. Mở đầu

Học viện Nông nghiệp Việt Nam là trường đại học chuyên ngành đứng đầu về đào tạo nhóm ngành Nông - Lâm - Ngư nghiệp tại Việt Nam, thuộc nhóm trường đại học công lập trọng điểm quốc gia. Học viện với sứ mạng là cái nôi đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, nghiên cứu phát triển và chuyển giao khoa học công nghệ, tri thức mới trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; đóng góp vào sự phát triển nền nông nghiệp và hội nhập quốc tế của đất nước. Chính vì vậy, bên cạnh kiến thức nghề nghiệp chuyên môn, việc học tập, rèn luyện và hoàn thiện các KNGT cho SV luôn được Học viện chú trọng bởi vì KNGT là một trong những kỹ năng cần thiết bổ trợ cần thiết cho SV khi tham gia vào thị trường lao động sau này. Việc rèn luyện KNGT ngay trên ghế nhà trường từ rất sớm cũng là một lợi thế rất lớn giúp các em vững tin hơn khi đi thực tập nghề nghiệp (TTNN). Theo lộ trình chương trình đào tạo bắt đầu từ năm thứ hai, thứ ba Học viện sẽ tổ chức cho SV đi thực tập tại cơ sở TTNN, đây là cơ hội trải nghiệm thực tế nghề nghiệp đầu tiên về các lĩnh vực mà SV đang theo học. Đối

với SV theo học tại Học viện, cơ sở TTNN của các em rất đa dạng có thể là: Các công ty sản xuất, Nhà máy, Xí nghiệp, Hợp tác xã nông nghiệp, Trang trại chăn nuôi, Khu thí nghiệm nông nghiệp, Bệnh viện thú y... tại đây SV thường sẽ phải sử dụng rất nhiều KNGT khác nhau để học hỏi, trò chuyện, trao đổi kiến thức, tiếp thu kinh nghiệm của mọi người tại cơ sở TTNN. Vì vậy, muốn thực hiện tốt nhiệm vụ thực tập tại cơ sở TTNN và học hỏi được nhiều kinh nghiệm thực tiễn điều đó phụ thuộc khá lớn vào việc SV có biết cách sử dụng KNGT của bản thân để hợp tác với chủ thể khác nhau tại các cơ sở TTNN hay không? Nhưng hiện nay, nhiều SV vẫn chưa chú trọng, không quan tâm và rèn luyện các KNGT, ngay như KNGT đơn giản đa số SV còn e ngại, ngại thể hiện bản thân trước đám đông, thậm chí ngại tham gia phát biểu xây dựng bài và nêu quan điểm cá nhân trong các giờ học. Điều này dần tạo ra một thói quen không tốt, làm hạn chế KNGT của bản thân, và xa hơn, có thể làm giảm khả năng tiếp cận thông tin, giảm hiệu quả công việc. Chính vì những lý do trên, khi đi thực tập tại cơ sở TTNN và khi được tiếp xúc với các đối tượng khác nhau SV trở nên lúng túng, ngại giao tiếp hoặc giao tiếp không đúng chuẩn mực.

2. Vật liệu và phương pháp nghiên cứu

2.1. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

- Khách thể nghiên cứu: 300 SV của 3 Khoa (100 SV khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, 100 SV khoa Thú y, 100 SV khoa Nông học) và mỗi khoa thêm 10 GV (người trực tiếp đưa SV đi TTNN).

- Đối tượng nghiên cứu: Thực trạng KNGT của SV Học viện Nông nghiệp Việt Nam tại cơ sở TTNN, và xây dựng biện pháp GD KNGT cho SV.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu lý thuyết kết hợp với phương pháp điều tra sử dụng phiếu khảo sát để tìm hiểu nhận thức của SV về ý nghĩa, thực trạng KNGT, các hình thức GD KNGT, nội dung GD KNGT cho 300 SV tại cơ sở TTNN. Từ đó, đề xuất các biện pháp GD KNGT cho SV. Trên cơ sở số liệu được khảo sát được nhóm tác giả sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập thêm thông tin làm rõ hơn các nội dung nghiên cứu. Số liệu điều tra của đề tài được xử lý bằng phần mềm SPSS V.22 kết hợp với phương pháp phỏng vấn các hoạt động giao tiếp của SV; Cách đánh giá: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định lượng qua các phép thống kê tần xuất (tỷ lệ %), mean (điểm trung bình).

3. Cơ sở lý luận giáo dục kỹ năng giao tiếp cho sinh viên

- GD KNGT: là quá trình tổ chức các hoạt động GD nhằm giúp người học hình thành và rèn luyện các thao tác, hành động để trao đổi, tiếp nhận và xử lý thông tin bằng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong mối quan hệ của SV với mọi người xung quanh.

- Mục tiêu GD KNGT cho SV:

+ SV có nhận thức đúng đắn về ý nghĩa, vai trò của các KNGT tại cơ sở TTNN.

+ SV xác định rõ các KNGT tại cơ sở TTNN của SV hiện nay.

+ SV tự tin khi giao tiếp với mọi đối tượng ngay tại cơ sở TTNN

+ SV hình thành và thay đổi hành vi ứng xử của mình theo hướng tích cực đối với bản thân, môi trường xung quanh, và các vấn đề của cuộc sống.

+ SV ý thức được việc rèn luyện thường xuyên, liên tục, xây dựng một cuộc sống học tập, làm việc tốt đẹp cho bản thân và cho xã hội.

- Nội dung GD KNGT cho SV: Nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của KNGT, cơ sở lý luận về các KNGT, phương thức thực hành đạt được KNGT tại cơ sở TTNN

- Con đường GD KNGT cho SV: Thông qua các môn học, thông qua hoạt động trải nghiệm, thông qua hoạt động Đoàn, thông qua tự rèn luyện

4. Kết quả và thảo luận

4.1. Thực trạng nhận thức về ý nghĩa kỹ năng giao tiếp tại cơ sở thực tập nghề nghiệp đối với sinh viên

Để tìm hiểu thực trạng về ý nghĩa KNGT tại cơ sở TTNN cho SV, chúng tôi tiến hành phát phiếu khảo sát kết hợp với phỏng vấn sâu. Chúng tôi phát ra 330 phiếu, thu về 330 phiếu hợp lệ, sau khi xử lý số liệu, chúng tôi thu được kết quả như sau.

Bảng 4.1. Nhận thức về ý nghĩa KNGT tại cơ sở TTNN cho SV (đơn vị %)

TT	Ý nghĩa	Mức độ				Trung bình
		Rất có ý nghĩa	Có ý nghĩa	Ít có ý nghĩa	Không có ý nghĩa	
1	Tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường	61.0	36.5	2.5	0	3.58
2	Nhanh chóng, dễ dàng hòa nhập với môi trường làm việc	56.6	40.3	3.1	0	3.52
3	Khắc phục tính rụt rè, tự tin hơn trong giao tiếp	62.9	34.6	2.5	0	3.60
4	Phát triển năng lực chuyên môn	56.6	41.5	1.9	0	3.55

(max=4; min=1)

Nhìn vào bảng 3.1, kết quả chúng tôi thu được sau khi xử lý số liệu có điểm trung bình đạt được từ **3.52 - 3.60**, điểm trung bình có giá trị rất cao. Kết

quả này cho thấy phần lớn GV và SV đều đánh giá cao vai trò to lớn và ý nghĩa quan trọng của KNGT với SV, hầu hết các GV và SV đều chọn ở mức độ

Rất có ý nghĩa và **Có ý nghĩa** là chiếm đa số. Qua bảng số liệu ta thấy, ý nghĩa quan trọng đều được cả GV và SV lựa chọn là nội dung: *Khắc phục tính rụt rè, tự tin hơn trong giao tiếp (62.9%); Tăng cơ hội tìm kiếm việc làm sau khi ra trường (61.0)*, được đánh giá ở mức **Rất có ý nghĩa**.

Qua bảng số liệu chúng tôi phân tích, trên 90% tổng số lượng GV và SV đều đánh giá các ý nghĩa của KNGT tại cơ sở TTNN đối với SV là **Rất có ý nghĩa** và **Có ý nghĩa**, tuy nhiên chúng tôi vẫn thấy còn có tỷ lệ nhỏ SV cho rằng ý nghĩa của KNGT là **Ít có ý nghĩa (từ 1.9% đến 53.1%)**. Tiên hành phỏng vấn, hỏi ý của 05 SV thì chúng tôi nhận được kết quả như sau: *Dù biết các ý nghĩa của KNGT tại cơ sở TTNN rất quan trọng với bản thân, nhưng SV chưa được tham gia nhiều vào các hoạt động GD KNGT nên cũng chưa thực sự hiểu về quá trình giao tiếp. Thời gian SV học trên lớp nhiều nên không có nhiều thời gian cho những hoạt động khác được tổ chức*

Bảng 4.2. Thực trạng KNGT của SV tại cơ sở TTNN (đơn vị %)

TT	Các kỹ năng giao tiếp	Mức độ thực trạng				Điểm trung bình
		Tốt	Khá	Trung bình	Chưa đạt	
1	Kỹ năng làm quen	17.0	43.7	31.5	7.8	2.79
2	Kỹ năng lắng nghe	15.6	41.4	29.5	13.5	2.59
3	Kỹ năng phản hồi	16.3	49.5	26.1	8.1	2.51
4	Kỹ năng thuyết trình	28.2	43.3	24.3	4.2	2.96
5	Kỹ năng thương lượng	8.1	38.8	46.6	6.5	2.49

(max=4; min=1)

Qua bảng 3.2 có thể thấy rằng các KNGT của SV hiện nay đang dừng lại ở mức **“Khá”** và mức **“Trung bình”** là nhiều nhất với điểm trung bình chúng tôi xử lý từ **2.49 đến 2.96** (điểm trung bình nằm ở mức Trung bình Khá). KNGT là kỹ năng được diễn ra thường xuyên, hàng ngày trong đời sống của SV, chúng tôi liệt kê ra 05 KNGT đây là những KNGT cơ bản nhất, những KNGT chung nhất mà SV nào cũng yêu cầu phải đạt được. Nhưng chúng tôi thấy, các KNGT này ở mức **Tốt** chiếm tỷ lệ rất ít từ **8.1% đến 28.2%** đây là con số rất khiêm tốn với số lượng SV chúng tôi tiến hành điều tra, chỉ có kỹ năng thuyết trình số lượng SV đạt mức độ tốt là cao hơn so với các kỹ năng khác là chiếm **28.2%**, mức **Khá** chúng ta thấy có một vài KNGT chiếm gần 50% là kỹ năng phản hồi. Đối với mức **Trung bình** cao nhất

trong và ngoài ra trường. Hơn thế nữa, SV cho biết mặc dù cũng nhận thức được ý nghĩa của KNGT đối với bản thân, và cũng đã rèn luyện sử dụng các phương tiện ngôn ngữ và phi ngôn ngữ trong giao tiếp, nhưng mức độ chưa nhiều, SV vẫn sử dụng cái **“bản năng”** vốn có của bản thân mình để giao tiếp.

Như vậy, qua bảng số liệu chúng ta thấy phần lớn GV và SV đã có nhận thức ban đầu về ý nghĩa của KNGT tại cơ sở TTNN đối với bản thân SV và cuộc sống. Tuy nhiên, cũng còn nhiều SV chưa nhận thức rõ ràng về ý nghĩa của KNGT tại cơ sở TTNN.

4.2. Thực trạng kỹ năng giao tiếp của sinh viên tại cơ sở thực tập nghề nghiệp

Để khảo sát thực trạng các mức độ về KNGT của SV tại cơ sở TTNN. Chúng tôi tiến hành điều tra qua câu hỏi số 3 ở cả hai phiếu điều tra dành cho GV và SV (phụ lục 1 và phụ lục 2). Kết quả chúng tôi thu được như sau:

là kỹ năng thương lượng chiếm **46.6%**, tiếp theo là kỹ năng làm quen chiếm 31.5%. Tiếp tục nhìn vào bảng số liệu ta thấy lượng SV chưa đạt các KNGT này còn khá nhiều từ **4.2% đến 13.5%** đây là con số khá báo động, vì đây là những KNGT cơ bản nhất, nhưng cũng có rất nhiều SV chưa đạt được các kỹ năng này.

Tóm lại, chúng ta thấy thực trạng hiện nay các KNGT tại cơ sở TTNN của SV là chưa tốt, có những kỹ năng SV tự nhận thấy mình chưa đạt, hoặc chỉ dừng lại ở mức trung bình, mức khá, còn mức tốt là rất ít. Biện pháp đặt ra GD KNGT tại cơ sở TTNN cho SV.

4.3. Thực trạng các hình thức giao tiếp của sinh viên tại cơ sở thực tập nghề nghiệp

Để khảo sát các hình thức giao tiếp của SV tại cơ sở TTNN. Chúng tôi tiến hành điều tra qua câu hỏi

số 4 ở cả hai phiếu điều tra dành cho GV và phiếu điều tra dành cho SV (phụ lục 1 và phụ lục 2). Kết quả chúng tôi thu được như sau:

Bảng 4.3. Hình thức giao tiếp của SV tại cơ sở TTNN (đơn vị %)

TT	Hình thức giao tiếp tại cơ sở TTNN	Mức độ giao tiếp				Điểm trung bình
		Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Hiếm khi	Không bao giờ	
1	Thông qua làm việc theo nhóm	65.7	27.2	7.1	0	3.58
2	Thông qua thuyết trình, báo cáo kết quả	23.6	47.9	28.5	0	2.95
3	Thông qua lắng nghe hướng dẫn, trả lời câu hỏi và phát biểu ý kiến	52.1	36.5	11.4	0	3.41
4	Thông qua thực hành nhiệm vụ	19.8	70.5	9.7	0	3.10

(max=4; min=1)

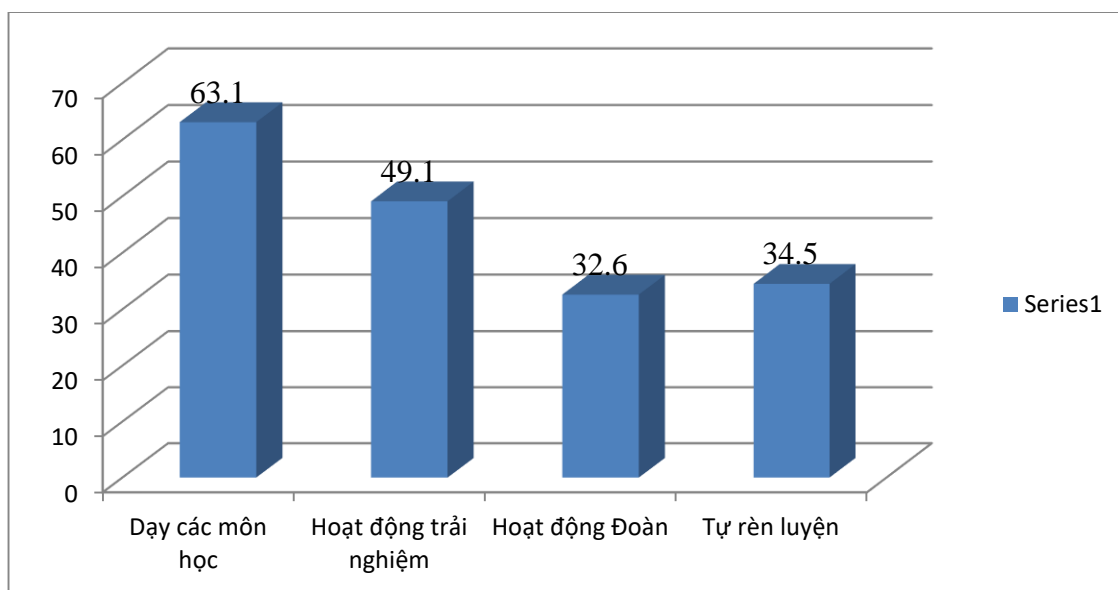
Qua bảng 3.3 chúng ta dễ dàng nhận thấy, điểm số trung bình từ **2.95 - 3.58** mức điểm trung bình khá cao. Phân tích hình thức giao tiếp của SV tại cơ sở TTNN, chúng tôi thấy hình thức giao tiếp được SV sử dụng thường xuyên đó là “*Thông qua làm việc theo nhóm (65.7%)*”, tiếp theo “*Thông qua lắng nghe hướng dẫn, trả lời câu hỏi và phát biểu ý kiến (52.1)*”, Thông qua thuyết trình, báo cáo kết quả **23.6%**, Thông qua thực hành nhiệm vụ **19.8%**. Hình thức giao tiếp ở mức độ thỉnh thoảng được GV và SV lựa chọn nhiều nhất là *Thông qua thực hành nhiệm vụ* chiếm **70.5%**. Chúng tôi tiến hành phỏng vấn một vài GV và SV, chúng tôi nhận được kết quả: Cô B.T.K.H cho biết “*TTNN chủ yếu SV tới các cơ sở thực tập để học việc, nên trong những tuần đầu tiên các em chủ yếu là lắng nghe sự hướng dẫn của các cán bộ tại nơi thực tập để học hỏi thêm kinh nghiệm, kiến thức, kỹ năng. Các đợt thực tập các em sẽ đi theo đoàn nên khi xuống các cơ sở thực tập SV sẽ được chia theo nhóm, hợp tác với nhau để giải quyết yêu cầu, nhiệm vụ mà cán bộ hướng dẫn giao, cho nên hình thức thông qua làm việc theo nhóm, và thông qua lắng nghe hướng dẫn phải sử dụng thường*

xuyên”. Ở mức độ “**không bao giờ**” thì không có GV hay SV nào lựa chọn. Chúng tôi có hỏi thêm về lý do tại sao thì các GV và SV đều cho biết “*đi TTNN là việc SV đi học nghề và rèn nghề nên tất cả SV tham gia TTNN đều phải thực hành, đều phải làm việc nhóm, lắng nghe và viết báo cáo kết quả, chính vì vậy sẽ không có chuyện SV sẽ không phải làm gì thì đi TTNN*”.

Tóm lại chúng tôi thấy, các hình thức giao tiếp thường xuyên SV sử dụng tại cơ sở TTNN là Thông qua làm việc nhóm, lắng nghe, báo cáo kết quả... Còn các hình thức giao tiếp khác của SV dừng lại ở mức độ thỉnh thoảng và hiếm khi.

4.4. Thực trạng các biện pháp giáo dục kỹ năng giao tiếp cho sinh viên của Học viện nông nghiệp Việt Nam

Chúng tôi tìm hiểu thực trạng GD KNGT cho SV thông qua biện pháp nào. Chúng tôi tiến hành điều tra qua câu hỏi số 5 ở cả hai phiếu GV và SV (phụ lục 1 và phụ lục 2). Đây là câu hỏi có nhiều lựa chọn, sau khi xử lý số liệu chúng tôi thu được kết quả như sau:



Biểu đồ 4.1. Thực trạng các biện pháp GD KNGT cho SV (đơn vị %)

Qua biểu đồ 3.1, chúng tôi nhận thấy rằng các biện pháp GD KNGT cho SV hiện nay có nhiều hình thức khác nhau như: *Thông qua dạy các môn học, Thông qua hoạt động trải nghiệm, Thông qua hoạt động Đoàn, Thông qua tự rèn luyện*. Nhìn vào số liệu thống kê trên biểu đồ thì biện pháp đang được sử dụng nhiều nhất Thông qua dạy các môn học đạt **63.1%**, còn các biện pháp GD còn lại chiếm chưa đến 50% số lượng người tham gia nghiên cứu, Thông qua hoạt động trải nghiệm **49.1%**, Thông qua hoạt động Đoàn chiếm 32.6%, Thông qua tự rèn luyện chiếm **34.5%**. Như vậy, có thể thấy, SV là chủ thể của quá trình GD, bản thân SV phải là người chủ động tham gia, rèn luyện quá trình GD KNGT, nhưng thực tế số liệu điều tra chứng minh chỉ có khoảng 1/3 số lượng SV là có ý thức tự rèn luyện còn 2/3 vẫn chưa có ý thức trong việc tự rèn luyện KNGT cho bản thân mình. Tiếp theo là Thông qua hoạt động Đoàn cũng chỉ có 1/3 SV tích cực tham gia hoạt động đoàn để GD KNGT cho bản thân. Có thể thấy con số tham gia tự GD KNGT này còn rất ít, nên KNGT của SV hiện nay vẫn còn rất hạn chế.

Kết luận: Đa số GV và SV trong Học viện nông nghiệp Việt Nam đã nhận thức được ý nghĩa quan trọng của KNGT tại cơ sở TTNN, tuy nhiên vẫn còn một số ít SV chưa nhận thức rõ được tầm quan trọng của các KNGT này, chưa hiểu rõ và vận dụng các KNGT vào thực tế. Qua tìm hiểu và điều tra, các KNGT của SV tại cơ sở TTNN hiện nay mới chỉ dừng ở mức khá và trung bình là nhiều, lượng SV đạt tốt ở các KNGT này còn hạn chế, trong số đó còn

khá nhiều SV tự cho rằng mình còn chưa đạt ở các KNGT. Chính vì vậy, cần xây dựng biện pháp GD các KNGT này cho SV tại cơ sở TTNN.

4.5. Xây dựng biện pháp giáo dục

Dựa trên thực trạng KNGT tại cơ sở TTNN của SV chúng tôi đề xuất các 04 biện pháp GD KNGT cho SV. Mỗi biện pháp chúng tôi đưa ra đảm bảo trên nguyên tắc có tính kế thừa, tính hệ thống, đảm bảo liên tục, đảm bảo tính chủ động, tích cực của SV, đảm bảo tính khả thi. Với mỗi biện pháp chúng tôi đưa ra đều nêu rõ mục đích, nội dung, và cách thực hiện.

Biện pháp 1: Giáo dục thông qua dạy các môn học

**** Mục đích***

Mục đích của việc thiết kế các hoạt động, nội dung GD KNGT cho SV thông qua lồng ghép vào các môn học trên lớp là biện pháp rất thuận lợi để có thể GD KNGT tại cơ sở TTNN. Thông qua việc lồng ghép GD KNGT vào các môn học trên lớp sẽ tạo sự hứng thú cho SV để tiếp thu, dễ ứng dụng, thực hiện được, dễ hình thành cho SV các KNGT nói chung và KNGT tại cơ sở TTNN nói riêng. SV phát huy được tích chủ động, sáng tạo trong quá trình học, đề cao tinh thần học đi đôi với hành, với trải nghiệm trên lớp nhưng vẫn phải đảm bảo được mục tiêu dạy học của các môn học được tích hợp, lồng ghép.

**** Nội dung thực hiện***

Lồng ghép các nội dung GD KNGT tại cơ sở TTNN vào trong các môn học để giảng dạy cho SV

như: kỹ năng làm quen; kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thương lượng ... với mỗi kỹ năng được lồng ghép với môn học, khi xây dựng nội dung bài học GV cần xây dựng những bài tập, hình huống,... để có thể rèn luyện, GD được các KNGT. Ví dụ như kỹ năng làm quen: GV có thể xây dựng những tình huống thực tiễn khi SV đi TTNN phải đứng trước các cán bộ hướng dẫn thực tập, hoặc tình huống thực tiễn SV gặp các đối tượng khác nhau tại cơ sở TTNN... sau đó SV đóng vai để thực hành, luyện tập kỹ năng làm quen. Sau khi SV thực hành xong, GV cần chú ý nhận xét về ngôn ngữ cử chỉ của SV, lời nói, hành động, tư thế, tác phong, cách cúi chào... của SV khi tham gia đóng vai.

** Cách tiến hành tổ chức bài học tích hợp nội dung GD KNGT tại cơ sở TTNN cho SV*

Bước 1: Giới thiệu mục tiêu, nội dung bài học, mục tiêu nội dung tích hợp GD KNGT tại cơ sở TTNN cho SV.

Bước 2: Tạo môi trường học tập, tích hợp GD KNGT tại cơ sở TTNN vào các môn học cụ thể.

Bài giảng có chứa nội dung GD KNGT tại cơ sở TTNN phải được tiến hành sinh động, hấp dẫn, môi trường học tập được tạo dựng bởi các mối quan hệ thân thiện làm cho việc học tập mang tính xã hội hóa cao. GV ngoài việc giảng dạy kiến thức môn học, thông qua kiến thức môn học GV tạo cho SV nhiều tình huống, cơ hội trải nghiệm, điều chỉnh kỹ năng, hành vi của mình. Tuy nhiên, GV cần ưu tiên những KNGT mà SV đang còn hạn chế, những KNGT SV chưa đạt, đặc biệt là KNGT tại cơ sở TTNN.

Bước 3: Tổ chức các hoạt động cá nhân, nhóm, tập thể nhằm tích hợp GD KNGT cho SV.

Bước 4: Củng cố nội dung kiến thức, kỹ năng

Bước 5: Đánh giá kết quả nội dung kiến thức, kỹ năng

Trong mỗi khâu, mỗi bước của quá trình học tập, khi nhận xét giờ học, GV cần nhận xét cách trình bày của SV, nhận xét về hành vi ứng xử của SV trước các nhiệm vụ và yêu cầu học tập, GV cần lồng ghép với việc nhận xét về KNGT của SV đã đạt được, những ưu điểm, hạn chế, khuyến khích SV tích cực tham gia.

Chú ý: GV cần lưu ý có thể tích hợp toàn bộ bài học hay từng phần, lựa chọn biện pháp, phương pháp phù hợp, có thể lồng ghép trong các hoạt động học tập ngoài giờ lên lớp và đảm bảo nguyên tắc đa dạng, phong phú...

Biện pháp 2: Giáo dục thông qua hoạt động trải nghiệm

** Mục đích*

KNGT của SV được hình thành thông qua hoạt động và bằng hoạt động. Biện pháp GD KNGT tại cơ sở TTNN thông qua tổ chức các hoạt động trải nghiệm cộng đồng nhằm gắn nội dung GD KNGT tại cơ sở TTNN với các tình huống thực tiễn, những trải nghiệm thực tiễn ngoài cộng đồng. Để SV được vận dụng linh hoạt các KNGT với mọi người vào trong thực tế. Qua đó SV biết mình đạt được những kỹ năng nào, những kỹ năng nào còn đang hạn chế để rút kinh nghiệm, tạo cho SV môi trường thực tế để SV có cơ hội thực hành những KNGT với mọi người trước khi đi TTNN.

** Nội dung thực hiện*

Tăng cường tổ chức các hoạt động trong giờ học và ngoài giờ học cho SV nhằm tạo ra các mối quan hệ tương tác giữa GV và SV, SV với SV, SV với môi trường xung quanh; mở rộng phạm vi hoạt động của nhà trường, đa dạng hình thức, tổ chức các buổi đi thực tế tại địa phương, giúp SV có cơ hội thực tế tiếp xúc với mọi người. Thông qua các hoạt động học tập, vui chơi, tham quan, làm quen với mọi người ngoài cộng đồng, tạo môi trường giao tiếp giữa SV và đối tượng khác nhau, giúp SV có cơ hội được tiếp xúc, làm quen với mọi người ngoài cộng đồng.

** Cách thức thực hiện*

Bước 1: Xác định mục tiêu GD KNGT cho SV thông qua các hoạt động trải nghiệm cộng đồng.

Bước 2: Xác định các KNGT cần được GD và các hoạt động trải nghiệm cộng đồng cần tổ chức

Bước 3: Xây dựng và thiết kế các hoạt động trải nghiệm cộng đồng cho SV tham gia như:

- Tổ chức các lớp, các nhóm SV đi tham quan tại các trang trại, khi thí nghiệm, đồng ruộng... nơi SV có thể tới TTNN.

- Tổ chức các hoạt động trải nghiệm như mùa hè xanh, trải nghiệm tình nguyện địa phương, giao lưu SV với HS địa phương, giao lưu SV với cán bộ tại cơ sở TTNN.

- Tổ chức các cuộc thi như: SV với pháp luật, cuộc thi hùng biện, cuộc thi khởi nghiệp, cuộc thi sáng tạo trẻ...

Bước 4: Kiểm tra, đánh giá các hoạt động trải nghiệm được thiết kế GD KNGT

Biện pháp 3: Giáo dục thông qua hoạt động Đoàn thể

** Mục đích*

Đoàn thanh niên trong Học viện thường là đơn vị kết nối SV với các hoạt động ý nghĩa trong Học viện và ngoài xã hội. Các hoạt động Đoàn của Học viện luôn diễn ra thường xuyên, đa dạng về hình thức tổ chức nên sẽ thu hút nhiều SV tham gia. Các hoạt động SV tham gia thường mang lại lợi ích cho cộng đồng và địa phương (nơi SV tới TTNN), chính vì được va chạm, tiếp xúc với nhiều đối tượng khác nhau nên SV sẽ rèn luyện được cho bản thân các KNGT, tăng sự tự tin cho bản thân, giúp mình ngày càng tiến bộ khi phải tiếp xúc và giao tiếp với người khác.

** Nội dung và cách thực hiện*

SV có thể tham gia các hoạt động Đoàn như: Các cuộc thi như SV tìm hiểu pháp luật, khởi nghiệp, sáng tạo...; các hoạt động văn hóa nghệ thuật như: múa hát, SV thanh lịch...; hoạt động xã hội: tình nguyện, mùa hè xanh, giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn... qua các hoạt động SV gắn kết thành một tập thể mạnh. Quan trọng hơn SV rèn được tinh thần tập thể, đồng đội, giúp đỡ, chia sẻ, hòa đồng và tự tin hơn trong cuộc sống.

Biện pháp 4: Giáo dục thông qua tự rèn luyện

** Mục đích*

Biện pháp này nhằm mục đích giúp SV tự nhận thức được vai trò, tầm quan trọng của việc GD KNGT tại cơ sở TTNN khi đi xuống các cơ sở thực tập, từ đó SV sẽ có ý thức tự rèn luyện các KNGT cho bản thân, tự hình thành cho mình những động cơ, nhu cầu để rèn luyện KNGT.

** Nội dung thực hiện*

Kiến thức về KNGT rất gần gũi trong cuộc sống, SV có thể nhìn thấy ở mọi nơi trong xã hội như giao tiếp với bạn bè, với thầy cô giáo, với ông bà, cha mẹ, hay đơn thuần là giao tiếp với các con vật, với đồ vật xung quanh chúng ta. Từ đó GV có thể giao bài tập và sử dụng các phương pháp tích cực như đóng vai, thảo luận nhóm, tình huống có vấn đề, công não... để SV có cơ hội được rèn luyện và giao tiếp với nhau nhiều hơn. Đồng thời, bài giảng của GV giảng dạy KNGT phải phong phú, đa dạng, hấp dẫn người học, bài giảng có thêm những hình ảnh, video minh họa cho các kĩ năng khi SV giao tiếp tại cơ sở TTNN.

** Cách thức thực hiện*

- GV luôn phải giúp SV nhận thức đúng đắn ý nghĩa của việc tự rèn luyện, giúp SV hình thành động cơ thúc đẩy tính chủ động, tích cực rèn luyện.

- Thông qua môn học, lồng ghép giao những bài tập về nhà như: bài tập lớn, thảo luận nhóm, xây dựng tình huống... giúp SV có thêm nhiều trải nghiệm, giao tiếp với nhau và giao tiếp với các cư dân nông thôn nhiều hơn...

- Tạo mọi điều kiện giúp SV có cơ hội được rèn luyện bản thân.

5. Kết luận

SV đã được GD và hình thành một số KNGT tại cơ sở TTNN thông qua các môn học và các hoạt động khác. Tuy nhiên, nội dung GD KNGT chưa được diễn ra thường xuyên nên một số SV vẫn còn chưa hình thành được KNGT tại cơ sở TTNN. Bài viết đề xuất 04 biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả GD KNGT tại cơ sở TTNN cho SV. Kết quả nghiên cứu có ý nghĩa lí luận và thực tiễn trong phát triển KNGT cho SV Học viện nông nghiệp Việt Nam tại các cơ sở TTNN.

REFERENCES

- [1] Cuc, D. T. (2015). Developing a communication environment for pedagogical students in the Northern Mountain Colleges, PhD Thesis, Viet Nam
- [2] Cuong, V. (2015). Labor productivity of Vietnamese people, Article on the business section of Zing.vn channel.
- [3] Dale, L. (2009). The art of public speaking, translate Song Ha, Culture and Information Publishing House, Hanoi.
- [4] Dung, T. T (2003). Business communication and negotiation skills, Statistical Publishing House.
- [5] Hung, D. L (2009). Pedagogical communication skills of pedagogical students at Da Nang University of Education, PhD Thesis, Viet Nam.
- [6] Leil, L. (2009). The Art of Successful Communication, Labor and Social Publishing House, Hanoi.
- [7] Nam, G. N. (2013). Educating communication skills for elementary school students in the northern mountainous countryside, PhD Thesis, Viet Nam.
- [8] Van, T. P. (2010). Educating life skills for high school students through educational activities outside of class time, PhD Thesis, Viet Nam.